

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST;

Ngày: 19-4-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Siêng

Ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên
tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Trương Quốc D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt; anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Trương Quốc D cưới nhau năm 2010, do tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hợp nhau nên cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc, chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con Trương Tuấn K, sinh ngày 01/5/2011, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Trương Quốc D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con chung.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn với anh Trương Quốc D, yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn anh Trương Quốc D đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Trương Quốc D cưới nhau năm 2010, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N xin ly hôn với anh D với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị N và anh D đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Tại phiên tòa

chị N vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh D, phía anh D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh D không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị Mỹ N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 01/5/2011 của chị N là có cơ sở vì cháu K đang sống với chị N đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K muốn được sống với chị N. Phía anh D không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu K và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh D đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N, giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N.

Về tình cảm: Chị Lê Thị Mỹ N được ly hôn với anh Trương Quốc D.

Về con chung: Giao cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 01/5/2011 cho chị Lê Thị Mỹ N nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Trương Quốc D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0017140 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị N đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA